

Bản án số: 131/2019/HS- PT

Ngày: 11-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Khánh Hồng

Các thẩm phán: Ông Lương Văn Hiến và bà Nguyễn Thị Lan Phương

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lương Thị Thúy Linh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* bà Dương Thị Thu Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 102/2019/TLPT-HS ngày 01/8/2019 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

* *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Bị cáo **Lục Văn H**, (tên gọi khác: không); sinh ngày 04 tháng 10 năm 1987 tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: xóm BT, xã B1Đ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lục Văn N và bà Diệp Thị L1; có vợ: Hoàng Thị S; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự : không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;(có mặt).

2. Bị cáo **Đàm Văn L**, (tên gọi khác: không); sinh ngày 02 tháng 8 năm 1994 tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: xóm BT, xã B1Đ, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Sán Dìu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Văn S1 và bà Lục Thị N1; có vợ: Tô Thị L2; Con: 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự : không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

* *Người bị hại không kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1995; Trú tại: Xóm N2, xã T1H1, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:* Anh Đặng Quang K, sinh năm 1987; Trú tại: Tô X, thị trấn T2C, huyện Đ2H2, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 02/4/2019, Lục Văn H và Đàm Văn L đến Công ty trách nhiệm hữu hạn SRTECH địa chỉ tại tổ dân phố T1D, phường B2Q, thành phố S2C1, Thái Nguyên làm việc theo hợp đồng thời vụ. Trên đường từ nhà đến Công ty, H bàn với L trong quá trình làm việc tại Công ty sẽ cùng nhau mở các ngăn tủ đựng đồ của công nhân để tìm trộm cắp điện thoại đem bán, thì L chưa đồng ý vì sợ bị phát hiện. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 03/4/2019 khi được nghỉ giải lao, H ra khu vực tủ đựng đồ của các công nhân dùng chìa khóa tủ của mình mở lục các tủ đựng đồ của công nhân khác, khi H mở được tủ G3-01(tủ đựng đồ của anh Nguyễn Văn Đ1 là công nhân xưởng 2, Công ty SRTECH), thì phát hiện có 01 chiếc điện thoại I phone 6S màu trắng, bọc vỏ nhựa màu đen và 01 đôi dép nam. Thấy vậy H cầm chiếc điện thoại trên ra khỏi tủ, đúng lúc đó thì L đi đến nên H đưa cho chiếc điện thoại trên cho L, L hiểu ý là H vừa trộm cắp được chiếc điện thoại nên đã nhanh tay cất giấu vào tủ cá nhân của mình, sau đó cả hai quay vào Công ty làm việc bình thường. Đến 5^h sáng cùng ngày khi hết giờ làm H và L cùng về và cầm theo chiếc điện thoại, H bảo L xem có chỗ nào mua điện thoại thì đem bán, L đồng ý. Đến khoảng 7 giờ sáng cùng ngày cả hai đem chiếc điện thoại trên đến bán cho Đặng Quang K ở Tổ X, thị trấn T2C, huyện Đ2H2, tỉnh Thái Nguyên với giá 500.000đ. L chia cho H 270.000đ, số còn lại 230.000đ L sử dụng.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công ngày 12/4/2019 kết luận giá trị 01 chiếc điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu I-phone 6S 64gb bản quốc tế (đã qua sử dụng) trị giá là: **3.000.000đ** (Ba triệu đồng chẵn).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lục Văn H, Đàm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: bị cáo Lục Văn H 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt; bị cáo Đàm Văn L 06 (sáu) tháng tù thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 02/7/2019, các bị cáo Lục Văn H và Đàm Văn L kháng cáo xin được hưởng án treo;

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357/BLTTHS: chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng cho các bị cáo hưởng

thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, h khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự: Giữ nguyên mức án và cho các bị cáo hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong hạn luật định là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lục Văn H, Đàm Văn L đều thành khẩn nhận tội. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 03/4/2019 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn SRTECH ở tổ dân phố T1D, phường B2Q, thành phố S2C1, Thái Nguyên, Lục Văn H, Đàm Văn L đã có hành vi trộm cắp của anh Nguyễn Văn Đ1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu I phone 6S trị giá **3.000.000đ (Ba triệu đồng)** đem bán cho Đặng Quang K ở Tổ X, thị trấn T2C, huyện Đ2H2, tỉnh Thái Nguyên với giá 500.000đ. L chia cho H 270.000đ, theo H khai: Do gia đình khó khăn nên H đã sử dụng số tiền nêu trên mua dầu ăn mang về nhà, còn lại H chi tiêu cá nhân; số còn lại 230.000đ L đã mua 1 bao thuốc lá còn lại chưa dám sử dụng, sau đó đã nộp cho cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, cơ quan công an đã thu giữ chiếc điện thoại nêu trên trả cho người bị hại; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh K 500.000đ.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cả 2 bị cáo là người lao động chân chính, là người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo H thuộc diện hộ nghèo; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Sau khi vụ án xảy ra đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho 2 bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tại bản án sơ thẩm đã áp dụng (bị cáo H còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ là có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huân chương). Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong vụ án này, tài sản các bị cáo chiếm đoạt chỉ có giá trị 3.000.000đ (gây thiệt hại không lớn) và các bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho anh K nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa đầy đủ. Cấp phúc thẩm cần áp dụng cho các bị cáo hưởng thêm 2 tình tiết giảm nhẹ này. Chính quyền địa phương cũng xác nhận các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy trường hợp của bị cáo hoàn toàn thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật hình sự. Vì vậy có căn cứ giữ nguyên mức hình phạt tù

và cho hưởng án treo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

[5] Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lục Văn H, Đàm Văn L; Sửa bản án sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Các bị cáo Lục Văn H, Đàm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lục Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm

Xử phạt bị cáo Đàm Văn L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Lục Văn H, Đàm Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3/ Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí: Các bị cáo Lục Văn H, Đàm Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T. Thái Nguyên;
- Công an T. Thái Nguyên;
- TAND TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Khánh Hồng